



PHÂN TÍCH NGHỊ ĐỊNH 16/2022/NĐ-CP VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG



NGHỊ ĐỊNH 16/2022/NĐ-CP: MỨC PHẠT MỚI VỀ XÂY DỰNG CÁC CHỦ ĐẦU TƯ CẦN LƯU Ý

Nghị định 16/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng được Chính phủ ban hành ngày 28/01/2022 và chính thức áp dụng cùng ngày. Trong bài viết dưới đây, LuatVietnam sẽ tập trung phân tích quy định mới của Nghị định này so với Nghị định 139/2017/NĐ-CP về mức xử phạt đối với các chủ đầu tư, người quản lý và sử dụng công trình xây dựng.

HÀNH VI	MỨC PHẠT CŨ <i>(triệu đồng)</i>	MỨC PHẠT MỚI <i>(triệu đồng)</i>
1. Vi phạm khi khởi công xây dựng công trình		
<p>1.1 Đối với các hành vi:</p> <p>a. Không gửi văn bản thông báo ngày khởi công (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);</p> <p>b. Không thông báo, thông báo chậm về thời điểm khởi công hoặc có thông báo nhưng không gửi kèm hồ sơ thiết kế (đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng)</p> <p>c. Không gửi báo cáo hoặc gửi báo cáo không đầy đủ thông tin sau khi khởi công xây dựng</p>	Cảnh cáo hoặc phạt từ 500.000 - 01	05 - 10
<p>1.2 Khởi công xây dựng mà thiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ dự án; - Hợp đồng thi công xây dựng ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu - Biện pháp đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công 	15 - 20	30 - 50
<p>1.3 Khởi công mà thiếu bản vẽ thi công công trình, hạng mục công trình;</p>	15 - 20	60 - 80
<p>1.4 Chủ đầu tư không đủ vốn nhưng vẫn khởi công xây dựng</p>	80 - 100	Không quy định

2. Vi phạm về trật tự xây dựng

2.1 Không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng ra xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng quy định

- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng	05 - 10	15 - 20
- Nếu xây dựng công trình khác	Phạt cảnh cáo hoặc từ 500.000 - 02	03 - 05

2.2 Không công khai giấy phép xây dựng tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công

- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	Không quy định	20 - 30
- Nếu xây dựng công trình khác		05 - 20

2.3 Không thực hiện thủ tục điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng

- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	Không quy định	60 - 80
- Nếu xây dựng công trình khác		15 - 30

2.4 Tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép sửa chữa, cải tạo, di dời công trình và giấy phép xây dựng có thời hạn*

(Bổ sung thêm quy định xử phạt đối với trường hợp xây dựng công trình sai trong nội dung giấy phép xây dựng có thời hạn)

- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	20 - 30	70 - 90
- Nếu xây dựng công trình khác	03 - 10	15 - 30

2.5 Tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ

Không quy định

gây sụp đổ công trình lân cận nhưng không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác.		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	Không quy định	80 - 100
- Nếu xây dựng công trình khác		30 - 60
2.6 Tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	30 - 50	100 - 120
- Nếu xây dựng công trình khác	10 - 30	30 - 70
2.7 Tổ chức thi công xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	30 - 50	120 - 140
- Nếu xây dựng công trình khác	10 - 30	60 - 100
2.8 Xây dựng công trình không đúng thiết kế xây dựng được thẩm định trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng	40 - 50	80 - 100
2.9 Xây dựng không đúng quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50 - 60	160 - 180
- Nếu xây dựng công trình khác		60 - 100
2.10 Xây dựng cơ nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung như sau:		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50 - 60	180 - 200

- Nếu xây dựng công trình khác		80 - 120
2.11 Đối với hành vi tại mục 2.4, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 và 2.10 đã bị lập biên bản nhưng còn tiếp tục vi phạm		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	300 - 350	400 - 500
- Nếu xây dựng công trình khác	5 - 40	100 - 140
2.12 Đối với hành vi tại mục 2.4, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 và 2.10 đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tiếp tục tái phạm		
- Nếu xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	950 - 1.000	950 - 1.000
- Nếu xây dựng công trình khác	10 - 80	120 - 160
3. Vi phạm trong thi công xây dựng công trình		
3.1 Đối với các hành vi: - Không có thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư hoặc của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có) cho các nhà thầu liên quan theo quy định; - Không lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng không đầy đủ theo quy định.	Cảnh cáo hoặc phạt từ 500.000 - 01	Cảnh cáo
3.2 Không lắp biển báo công trình tại công trường xây dựng hoặc biển báo không đầy đủ nội dung theo quy định.	Cảnh cáo hoặc phạt từ 500.000 - 01	10 - 20
3.3 Đối với các hành vi: - Không tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định trong trường hợp công trình đang thi công; - Không tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.	10 - 20	20 - 40
3.4 Đối với các hành vi: - Không kiểm tra dẫn đến năng lực thực tế về nhân lực,	20 - 30	40 - 60

<p>thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng không đảm bảo so với hồ sơ dự thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kết quả kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường của nhà thầu; 		
<p>3.5 Không kiểm tra dẫn đến các phiếu kết quả thí nghiệm lập không đúng quy định hoặc thiếu các kết quả thí nghiệm theo quy định.</p>	20 - 30	Không xử phạt
<p>3.6 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không báo cáo về biện pháp đảm bảo an toàn đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định trong trường hợp thi công xây dựng công trình có vùng nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng; - Không bố trí đủ nhân lực phù hợp để thực hiện giám sát thi công xây dựng, quản lý an toàn trong thi công xây dựng; 	Không xử phạt	20 - 30
<p>3.7 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không kiểm tra dẫn đến nhà thầu thi công thi công không đúng với thiết kế biện pháp thi công được duyệt; - Không kiểm tra dẫn đến nhà thầu thi công xây dựng công trình không gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi đến thời hạn theo quy định; - Để nhà thầu sử dụng vật liệu xây dựng không công bố hợp quy vào công trình đối với những vật liệu xây dựng phải công bố hợp quy theo quy định; - Không mua bảo hiểm công trình theo quy định; - Không kiểm tra để chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng hoặc thiết bị lắp đặt vào công trình; 	30 - 40	40 - 60
<p>3.8 Không tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung.</p>	70 - 80	80 - 100
<p>4. Vi phạm về nghiệm thu công trình xây dựng</p>		
<p>4.1 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệm thu không đúng trình tự, thủ tục theo quy định - Không gửi văn bản đến cơ quan chuyên môn về xây 	Không xử phạt	20 - 30

dựng đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.	70 - 80	80 - 100
4.2 Đưa bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu theo quy định.	50 - 60	80 - 100
4.3 Đối với các hành vi: - Nghiệm thu khi khối lượng công việc chưa thực hiện hoặc khối lượng nghiệm thu lớn hơn khối lượng thực tế đã thực hiện (<i>Nghị định mới chỉ xử phạt đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP</i>) - Công trình đã nghiệm thu nhưng không đảm bảo về chất lượng công trình.	70 - 80	100 - 120
5. Khi xảy ra sự cố công trình		
5.1 Đối với các hành vi: - Không hoặc chậm khai báo khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động (<i>Nghị định 139/2017/NĐ-CP không xử phạt với hành vi chậm khai báo</i>) - Không lập hồ sơ sự cố công trình theo quy định.	01 - 05	10 - 20
5.2 Không tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố công trình hoặc tự ý phá dỡ, thu dọn hiện trường khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;	01 - 05	40 - 60
5.3 Không xử lý và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động.	Không quy định	40 - 60

Đánh giá: Nhìn chung, Nghị định 16/2020/NĐ-CP đã đồng loạt tăng nhiều mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm của người ra quyết định đầu tư, chủ đầu tư, người quản lý và sử dụng công trình xây dựng.

**TRÊN ĐÂY CHỈ LÀ NHỮNG MỨC PHẠT ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI VI PHẠM CƠ BẢN VÀ PHỔ BIẾN,
ĐỂ XEM TOÀN BỘ QUY ĐỊNH, BẠN VUI LÒNG XEM TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN.**





NGHỊ ĐỊNH 16/2022/NĐ-CP: MỨC PHẠT MỚI VỀ XÂY DỰNG CÁC NHÀ THẦU CẦN LƯU Ý

Nghị định 16/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng được Chính phủ ban hành ngày 28/01/2022 và chính thức áp dụng cùng ngày. Trong bài viết dưới đây, LuatVietnam sẽ tập trung phân tích quy định mới của Nghị định này so với Nghị định 139/2017/NĐ-CP về mức xử phạt đối với các nhà thầu, chủ đầu tư (trong trường hợp tự thực hiện) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

HÀNH VI	MỨC PHẠT CŨ (triệu đồng)	MỨC PHẠT MỚI (triệu đồng)
1. Vi phạm khi khởi công xây dựng công trình		
1.1 Thi công xây dựng không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định		
- Đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác	Cảnh cáo hoặc phạt từ 0,5 - 1	3 - 5
- Đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.	5 - 10	15 - 20
1.2 Tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận* hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận nhưng không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác <i>(*Trước đây, chỉ trong trường hợp không thỏa thuận được việc bồi thường mới bị xử phạt)</i>		
- Đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.	20 - 30	80 - 100
- Đối với nhà ở riêng lẻ và với công trình xây dựng khác* <i>(*Trước đây chia thành các trường hợp vi phạm khi xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn và thành thị có mức phạt khác nhau; Nghị định 22/2022/NĐ-CP chia ra trường hợp xây nhà ở riêng lẻ và xây nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, di tích lịch sử văn hóa)</i>	3 - 20	30 - 60

<p>1.3 Nhà thầu tiếp tục thực hiện thi công xây dựng công trình mà chủ đầu tư công trình đó đã bị lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi: Tổ chức thi công sai nội dung giấy phép, không có giấy phép; xây dựng không đúng thiết kế; xây dựng cơ nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian.</p>		
- Đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.	60 - 70	160 - 180
- Đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác	40 - 60	80 - 120
- Hình thức xử phạt bổ sung	Không quy định	- Tước quyền sử dụng chứng chỉ năng lực hoặc chứng chỉ hành nghề từ 03 tháng đến 06 tháng - Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm
<p>2. Vi phạm về an toàn trong thi công xây dựng công trình</p>		
2.1 Không có sổ nhật ký an toàn lao động hoặc sổ nhật ký không ghi chép đầy đủ theo quy định.	5 - 10	10 - 20
<p>2.2 Đối với các hành vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề người lao động không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân tham gia lao động trong thi công; - Không lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định, không lập các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao; - Sử dụng thiết bị thi công không có giấy tờ lưu hành, vận hành theo quy định, không kiểm định hoặc đã hết thời gian kiểm định, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung ghi trong giấy tờ lưu hành, vận hành, kiểm định; - Không có biển cảnh báo đề phòng tai nạn hoặc không bố trí người hướng dẫn tại những vị trí nguy hiểm trên công trường; - Không có biển cảnh báo đề phòng tai nạn hoặc không bố trí 	20 - 30	30 - 50

<p>người hướng dẫn tại những vị trí nguy hiểm trên công trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không bố trí hoặc bố trí người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động không được đào tạo về chuyên ngành an toàn lao động hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng và đáp ứng quy định khác của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; 		
<p>2.3 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường; - Không lập, trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; - Không có quy định cụ thể biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong biện pháp thi công. 	Không quy định	30 - 50
<p>2.4 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm quy định về phương án, giải pháp phá dỡ công trình xây dựng; - Không mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba theo quy định. 	30 - 40	50 - 70
3. Vi phạm quy định về thi công xây dựng công trình		
<p>3.1 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn trả mặt bằng, không di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao (trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác); - Không có nhật ký thi công hoặc nhật ký thi công lập không đúng quy định; - Không tiếp nhận và không quản lý mặt bằng xây dựng, không bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, không thực hiện quản lý công trường theo quy định <i>(trước đây chỉ quy định về làm thất lạc mốc định vị hoặc mốc địa giới)</i> 	05 - 10	10 - 20

<p>3.2 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng chi phí về an toàn lao động không đúng quy định; - Không báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan; - Không tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định hoặc lập không phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường. 	Không quy định	10 - 20
<p>3.3 Đối với các hành vi:</p> <p>Không có biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị trước khi đưa vào thi công xây dựng công trình theo quy định</p>	05 - 10	Không quy định
<p>3.4 Đối với hành vi không trình chủ đầu tư chấp thuận một trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật; - Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình, biện pháp thi công; - Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; 	10 - 20	20 - 40
<p>3.5 Không trình chủ đầu tư chấp thuận tiến độ thi công xây dựng công trình.</p>	10 - 20	20 - 40
<p>3.6 Không lập bản vẽ hoàn công <i>(trước đây còn xử phạt cả trường hợp lập bản vẽ hoàn công không đúng thực tế thi công)</i></p>	20 - 30	40 - 60
<p>3.7 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình theo quy định; - Không bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; 	Không quy định	40 - 60

<ul style="list-style-type: none"> - Không tổ chức công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng; - Sử dụng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm hoặc không trực tiếp thực hiện công tác thí nghiệm theo quy định. 		
<p>3.8 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vật liệu, cấu kiện dùng cho công trình không có hồ sơ quản lý chất lượng hoặc hồ sơ quản lý chất lượng không đầy đủ - Thi công sai hợp đồng xây dựng, sai giấy phép xây dựng, sai thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt hoặc sai chỉ dẫn kỹ thuật; - Thiếu kết quả thí nghiệm thử nghiệm, kiểm định vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của thiết kế được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng công trình; - Không thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận hoặc không thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động, chạy thử liên động theo kế hoạch đã được chủ đầu tư chấp thuận trước khi đề nghị nghiệm thu. 	30 - 40	50 - 70
<p>3.9 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu hoặc lập hệ thống quản lý thi công xây dựng không phù hợp với quy mô, tính chất của công trình; - Hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu không nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình; 	40 - 50	70 - 80
<p>3.10 Đối với các hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không dừng thi công xây dựng đối với công việc xây dựng, 	Không quy định	70 - 80

<p>bộ phận, hạng mục công trình khi phát hiện có sai sót, khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố công trình;</p> <ul style="list-style-type: none">- Không dừng thi công công trình khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động;- Không khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.		
--	--	--

Kết luận:

- Trên đây là những quy định về mức xử phạt mới đối với các hành vi của nhà thầu xây dựng được quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP. Có thể thấy, tất cả các mức phạt này đều tăng so với quy định trước đây tại Nghị định 139/2017/NĐ-CP
- Ngoài các quy định nêu trên, Nghị định 16/2022/NĐ-CP còn đề cập đến mức phạt vi phạm về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng; vi phạm nội dung trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ hợp đồng; vi phạm về khảo sát xây dựng; vi phạm về lập quy hoạch xây dựng... mà các nhà thầu cần lưu ý.

NỘI DUNG CHI TIẾT VUI LÒNG XEM TRONG TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN.

